TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST Ngày: 09-6- 2022 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng.

2. Ông Nguyễn Phúc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: số 129, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1986; số 129, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2005, anh T và chị P tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L

cấp giấy chứng nhận số 40, quyển số 01 ngày 23/4/2007. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, sống không hạnh phúc. Từ tháng 5/2021 thì vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh T đã cố gắng để hàn gắn tình cảm của vợ chồng nhưng không được mà tình cảm của vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con ruột, chỉ có con nuôi tên Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 01/01/2009, nay ly hôn đồng ý giao con cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Toà án ghiao thông báo thụ lý vụ án nhưng chị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị P để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ 2 nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình T, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình T, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của anh Nguyễn Văn T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở T nguyện nên hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh T và chị P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Trúc L sinh ngày 01/01/2009 cho P được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị P và đồng ý giao con cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn chị Nguyễn Thị P có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị P đến phiên toà lần thứ hai nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị P.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trên cơ sở T nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01 ngày 23/4/2007 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp. Anh T trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 5/2021, vợ chồng đã sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

Còn chị P từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay chị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình. Toà án cũng đã triệu tập chị P đến Toà án tham gia phiên toà đến lần thứ hai chị P cũng đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện chị P không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị P.

[2.2] Về con chung: Theo anh T trình bày vợ chồng sống chung không có con chung nhưng vợ chồng có nhận nuôi 01 đứa con tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2009 theo giấy khai sinh số 290/2009, quyển số 1 với tên cha là Nguyễn Văn T và tên mẹ là Nguyễn Thị P. Con hiện nay chị P đang nuôi dưỡng

nên anh T đồng ý giao cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng. Còn chị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với con chung. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Trúc Lam, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Nguyễn Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không T nguyện cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên do chị P không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết còn chị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Nguyễn Thị P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Nguyễn Thị P.

3 Về cấp dưỡng nuôi: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai số 0002494 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Anh Nguyễn Văn T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã V; (CNKH 40/2007)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội